

ChatGPT's results in Vietnamese National High School Graduation Examination: Geography

Authors:

Xuan-Quy DAO, EIU, quy.dao@eiu.edu.vn

2020 Illustration Examination

ChatGPT Feb 13 Version

Prompt (Câu hỏi)	ChatGPT's answer (Câu trả lời)
<p>Câu 1 : Việc khai thác gỗ ở nước ta chỉ được tiến hành ở</p> <ul style="list-style-type: none">A. rừng sản xuất.B. rừng phòng hộ.C. các khu bảo tồn.D. vườn quốc gia	<p>Đáp án là A. rừng sản xuất.</p> <p>Theo Luật lâm nghiệp năm 2017, rừng sản xuất là khu rừng được nhà nước quản lý, phát triển để sản xuất gỗ, dịch vụ rừng và phục vụ cho mục đích khác như công trình, đô thị, du lịch. Việc khai thác gỗ chỉ được thực hiện trong các khu vực rừng sản xuất được phép khai thác theo quy định của pháp luật và các chính sách của nhà nước. Trong khi đó, rừng phòng hộ, các khu bảo tồn và vườn quốc gia được bảo vệ chặt chẽ, không được phép khai thác gỗ.</p>
<p>Câu 2 : Mưa bão ở nước ta thường gây ra</p> <ul style="list-style-type: none">A. rét hại.B. ngập lụt.C. sương muối.D. tuyết rơi.	<p>Đáp án là B. ngập lụt.</p> <p>Mưa bão có thể gây ra hiện tượng ngập lụt ở nhiều khu vực ở Việt Nam, đặc biệt là trong mùa mưa. Do đặc điểm địa hình phức tạp, các sông, kênh và hệ thống thoát nước ở nhiều địa phương chưa được đầu tư, hoặc không đủ sức chứa lượng nước lớn trong mùa mưa, nên khi mưa lớn thường dẫn đến ngập lụt và gây thiệt hại cho người dân, đặc biệt là ở các khu vực thấp, ven sông, ven biển.</p>
<p>Câu 3 : Nơi nào sau đây thuận lợi để nuôi thủy sản nước ngọt ở nước ta?</p> <ul style="list-style-type: none">A. Bãi triều.B. Sông suối.C. Vịnh biển.D. Đầm phá.	<p>Đáp án là B. Sông suối.</p> <p>Nuôi thủy sản nước ngọt thường được thực hiện ở các địa điểm có dòng nước chảy, nhiều thực phẩm và oxy đủ cho việc phát triển của các loài thủy sản. Trong số các địa điểm nêu ra trong câu hỏi, chỉ có sông suối là phù hợp vì nó cung cấp dòng nước chảy liên tục, giàu dưỡng chất và oxy hòa tan. Các đầm phá, bãi triều và vịnh biển thường có nồng độ muối cao hơn, không phù hợp cho nuôi thủy sản nước ngọt.</p>

<p>Câu 4 : Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt ở nước ta?</p> <p>A. Gạo, ngô. B. Sữa, bơ. C. Thịt hộp. D. Nước mắm.</p>	<p>Đáp án là A. Gạo, ngô.</p> <p>Công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt ở Việt Nam tập trung chủ yếu vào các sản phẩm chính như gạo, ngô, lúa mì, đậu nành... Trong khi đó, sữa, bơ và thịt hộp thường thuộc về lĩnh vực công nghiệp thực phẩm khác, không phải là sản phẩm trồng trọt. Nước mắm có thể được sản xuất từ hải sản hoặc thủy sản, nên cũng không được xem là sản phẩm trồng trọt.</p>
<p>Câu 5 : Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về</p> <p>A. chăn nuôi trâu và bò. B. trồng cây lương thực C. nuôi lợn và gia cầm. D. nuôi tôm, cá nước lợ.</p>	<p>Đáp án là A. chăn nuôi trâu và bò.</p> <p>Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có địa hình đa dạng, đất phù sa màu mỡ, thích hợp cho chăn nuôi trâu và bò. Ngoài ra, khu vực này cũng phát triển trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, tiêu, điều, bơ... Tuy nhiên, trồng lương thực không phải là một thế mạnh của vùng này, do địa hình đồi núi và đất đai phù sa không thích hợp cho việc sản xuất lương thực. Nuôi lợn, gia cầm cũng ít phát triển ở vùng này, trong khi nuôi tôm, cá nước lợ thì hạn chế do không có vùng ven biển phù hợp.</p>
<p>Câu 6 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?</p> <p>A. Sóc Trăng. B. Hậu Giang. C. Đồng Tháp. D. An Giang.</p>	<p>Đáp án là D. An Giang.</p> <p>Theo Atlas Địa lí Việt Nam, tỉnh An Giang tọa lạc ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giáp biển Đông Nam Á. Các tỉnh còn lại đều nằm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, không giáp biển. Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp đều giáp sông Hậu</p>
<p>Câu 7 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?</p> <p>A. Sông Cà. B. Sông Ba C. Sông Thu Bồn. D. Sông Thái Bình.</p>	<p>Đáp án là D. Sông Thái Bình.</p> <p>Theo Atlas Địa lí Việt Nam, hệ thống sông Thái Bình có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất ở Việt Nam, với diện tích lưu vực là 152.400 km². Các hệ thống sông khác có diện tích lưu vực nhỏ hơn, như sông Cà với diện tích lưu vực là 19.700 km², sông Ba với diện tích lưu vực là 8.800 km² và sông Thu Bồn với diện tích lưu vực là 10.350 km².</p>
<p>Câu 8 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?</p> <p>A. Nam Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.</p>	<p>Đáp án là C. Bắc Trung Bộ.</p> <p>Theo Atlas Địa lí Việt Nam, miền Bắc Việt Nam được chia thành 2 vùng khí hậu chính là vùng khí hậu Đông Bắc và vùng khí hậu Bắc Bộ. Trong khi đó, Nam Bộ và Nam Trung Bộ thuộc miền Nam Việt Nam và Tây Nguyên thuộc miền Trung Tây. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.</p>
<p>Câu 9 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?</p> <p>A. Phu Luông.</p>	<p>Đáp án là B. Tam Đảo.</p>

<p>B. Tam Đảo C. Pu Trà. D. Phanxipăng.</p>	<p>Theo Atlas Địa lý Việt Nam, Tam Đảo là một dãy núi thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. Núi Phu Luông thuộc miền Tây Bắc Việt Nam, núi Pu Trà thuộc miền Trung Tây và núi Phanxipăng thuộc miền Tây Bắc và Tây Nguyên.</p>
<p>Câu 10 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ? A. Thanh Hóa B. Vinh. C. Huế. D. Quy Nhơn.</p>	<p>Đáp án là D. Quy Nhơn. Theo Atlas Địa lý Việt Nam, Quy Nhơn là trung tâm kinh tế thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ. Thanh Hóa thuộc Duyên hải Bắc Trung Bộ, Vinh thuộc Bắc Trung Bộ và Huế thuộc Duyên hải Bắc Trung Bộ và Trung du và miền núi Bắc Trung Bộ.</p>
<p>Câu 11 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất trong các tỉnh sau đây? A. Lạng Sơn. B. Bắc Kạn. C. Thái Nguyên D. Vĩnh Phúc</p>	<p>Trong Atlas Địa lý Việt Nam trang 19, không có thông tin về số lượng trâu của các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc. Vì vậy, không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nguồn tham khảo này.</p>
<p>Câu 12 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá? A. Hưng Yên. B. Cẩm Phả. C. Thanh Hóa D. Vinh.</p>	<p>Đáp án câu 12: B. Cẩm Phả.</p>
<p>Câu 13 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, cho biết đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây? A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Hạ Long.</p>	<p>Theo Atlas Địa lý Việt Nam trang 23, đường số 2 nối Hà Nội với tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy đáp án là C. Lạng Sơn.</p>
<p>Câu 14 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây? A. Thanh Hóa B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.</p>	<p>Khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa.</p>
<p>Câu 15 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28, cho biết cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ? A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Phú Yên.</p>	<p>The answer is C. Phú Yên, according to the geographical map on page 28 of the Atlas of Vietnam.</p>

D. Khánh Hòa	
<p>Câu 16 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?</p> <p>A. Xa Mát. B. Đồng Tháp. C. An Giang. D. Hà Tiên.</p>	Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên thuộc Đông Nam Bộ.
<p>Câu 17 : Thế mạnh nông nghiệp nhiệt đới ở trung du và miền núi nước ta là</p> <p>A. cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn. B. chăn nuôi gia cầm, cây lương thực C. cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản. D. nuôi trồng thủy sản, cây dược liệu.</p>	<p>Đáp án: A. cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn.</p> <p>Trung du và miền núi Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu thủy sinh và khí hậu ôn đới núi cao, có điều kiện tốt cho việc trồng cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò, dê, cừu, lợn,... Ngoài ra, ở một số vùng đất trung du và miền núi còn có sự kết hợp giữa trồng cây lâu năm và chăn nuôi như trồng cây cà phê, cao su kết hợp với chăn nuôi bò, dê,...</p>
<p>Câu 18 : Phát biểu nào sau đây đúng về ngành viễn thông nước ta hiện nay?</p> <p>A. Tốc độ phát triển rất nhanh. B. Các công nghệ còn hạn chế. C. Thừa lao động kĩ thuật cao D. Phát triển nhất ở miền núi.</p>	<p>Đáp án: A. Tốc độ phát triển rất nhanh.</p> <p>Giới công nghệ thông tin và viễn thông nước ta đang phát triển rất nhanh với sự bùng nổ của internet và công nghệ di động. Các công ty viễn thông lớn như Viettel, VNPT, FPT Telecom đã phát triển mạng lưới truyền thông toàn quốc, đáp ứng nhu cầu của người dân về truy cập internet và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.</p>
<p>Câu 19 : Phát biểu nào sau đây không đúng với ngoại thương nước ta hiện nay?</p> <p>A. Thị trường buôn bán được mở rộng. B. Kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng. C. Hàng hóa phong phú và đa dạng D. Chủ yếu nhập khẩu hàng tiêu dùng.</p>	<p>Đáp án là D. Chủ yếu nhập khẩu hàng tiêu dùng không đúng với tình hình ngoại thương của Việt Nam hiện nay. Việt Nam cũng đã có những bước đột phá trong sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp và hàng hóa có giá trị gia tăng cao.</p>
<p>Câu 20 : Phát biểu nào sau đây không đúng với Trung du và miền núi Bắc Bộ?</p> <p>A. Diện tích rộng lớn nhất cả nước B. Có nhiều vịnh biển và đầm phá. C. Biên giới chung với hai quốc gia D. Nhiều khoáng sản trữ lượng lớn.</p>	<p>Đáp án: B. Có nhiều vịnh biển và đầm phá.</p> <p>Giải thích: Trung du và miền núi Bắc Bộ không có đường bờ biển trực diện, do đó không có vịnh biển. Nơi đây có nhiều đầm phá nhưng không phải là đặc trưng chính của vùng.</p>
<p>Câu 21: Thuận lợi của Duyên hải Nam Trung Bộ đối với phát triển dịch vụ hàng hải là</p> <p>A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu. B. có vùng biển rộng và các đầm phá. C. nhiều cửa sông và những bãi triều. D. có những bãi cát rộng, đảo ven bờ.</p>	<p>Đáp án: A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu.</p> <p>Giải thích: Duyên hải Nam Trung Bộ có bờ biển dài hơn 400km, nhiều vịnh, cửa, cảng tự nhiên sâu, thuận lợi cho việc phát triển dịch vụ hàng hải.</p>

<p>Câu 22 : Tiềm năng to lớn của Tây Nguyên để phát triển cây công nghiệp lâu năm là</p> <p>A. đất badan và khí hậu cận xích đạo. B. nhiều sông suối và cánh rừng rộng. C. nhiều cao nguyên và núi đồi thấp. D. hai mùa mưa khô và giống cây tốt.</p>	<p>Đáp án đúng: C. nhiều cao nguyên và núi đồi thấp.</p> <p>Giải thích: Tây Nguyên có địa hình đa dạng, với nhiều cao nguyên và vùng đất đồi núi thấp, điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp cho việc trồng cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, tiêu, điều, mắc ca, hồ tiêu. Các loại cây này đòi hỏi thổ nhưỡng phong phú, độ ẩm đất và khí hậu đều đặn và có thể sống lâu dài trong nhiều năm.</p>
<p>Câu 23 : Biện pháp cần thực hiện để phát triển lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là</p> <p>A. xây dựng các công trình thủy lợi. B. thay đổi cơ cấu cây công nghiệp. C. phát triển diện tích rừng ngập mặn. D. mở rộng thêm diện tích đất trồng.</p>	<p>Để phát triển lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, biện pháp cần thực hiện là thay đổi cơ cấu cây công nghiệp. Điều này bao gồm việc tập trung vào các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, đồng thời áp dụng các phương pháp chăm sóc, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng bền vững để đảm bảo sự phát triển bền vững cho ngành lâm nghiệp trong tương lai.</p>
<p>Câu 24 : Khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là</p> <p>A. diện tích rộng lớn, địa hình thấp. B. mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt. C. bề mặt bị cắt xẻ, nhiều kênh rạch. D. nhiều loại đất, đường bờ biển dài.</p>	<p>Đáp án: B. mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt.</p> <p>Giải thích: Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích rộng lớn, địa hình thấp phẳng, bề mặt bị cắt xẻ bởi các con kênh, rạch. Đất đai ở đây phong phú và đa dạng, đường bờ biển dài. Tuy nhiên, một khó khăn lớn đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là mùa khô kéo dài, thiếu nước ngọt để tưới tiêu và phát triển nông nghiệp.</p>
<p>Câu 25 : Việc nâng cấp các cảng biển ở nước ta chủ yếu nhằm</p> <p>A. nâng cao năng lực vận chuyển. B. giải quyết việc làm cho dân cư C. giúp mở rộng khu công nghiệp D. phục vụ khai thác khoáng sản.</p>	<p>Đáp án: A. nâng cao năng lực vận chuyển.</p> <p>Việc nâng cấp các cảng biển ở nước ta nhằm mục đích nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa, tăng cường khả năng cạnh tranh về logistics với các nước trong khu vực và trên thế giới, giảm chi phí vận chuyển, tăng thu hút đầu tư và phát triển kinh tế các khu vực ven biển.</p>
<p>Câu 26 : Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng về thủy điện của nước ta?</p> <p>A. Có nhiều nhà máy khác nhau. B. Nhà máy lớn nhất ở Tây Bắc C. Phân bố nhiều nơi ở vùng núi. D. Tập trung chủ yếu ở Nam Bộ.</p>	<p>Đáp án: D. Tập trung chủ yếu ở Nam Bộ.</p> <p>Giải thích: Theo Atlas Địa lý Việt Nam trang 22, phân bố thủy điện tại Việt Nam khá phong phú và đa dạng, tập trung chủ yếu ở vùng núi và miền Trung, và nhà máy thủy điện lớn nhất là Sơn La ở Tây Bắc. Do đó, phát biểu "Tập trung chủ yếu ở Nam Bộ" là sai.</p>
<p>Câu 27 : Cho biểu đồ:</p> <p>DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018 (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019) Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2018 so với năm 2010?</p>	<p>Đối chiếu biểu đồ, ta thấy rằng diện tích lúa đông xuân giảm, lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng. Vì vậy, nhận xét đúng là: C. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.</p>

<p>A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng. C. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng. D. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.</p>																
<p>Câu 28 : Cho bảng số liệu: TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018 (Đơn vị: %)</p> <table border="1" data-bbox="191 418 1045 535"> <thead> <tr> <th>Quốc gia</th> <th>In-đô-nê-xi-a</th> <th>Phi-lip-pin</th> <th>Mi-an-ma</th> <th>Thái Lan</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỉ lệ sinh</td> <td>19</td> <td>21</td> <td>18</td> <td>11</td> </tr> <tr> <td>Tỉ lệ tử</td> <td>7</td> <td>6</td> <td>8</td> <td>8</td> </tr> </tbody> </table> <p>(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019) Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ tăng tự nhiên năm 2018 của một số quốc gia? A. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma B. Mi-an-ma cao hơn In-đô-nê-xi-a C. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin D. Phi-lip-pin cao hơn Thái Lan.</p>	Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan	Tỉ lệ sinh	19	21	18	11	Tỉ lệ tử	7	6	8	8	<p>Để so sánh tỉ lệ tăng tự nhiên, ta cần biết thêm thông tin về tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của các quốc gia. Từ bảng số liệu, ta thấy rằng tỉ lệ sinh cao nhất là 21% của Philippines, thấp nhất là 11% của Thái Lan. Tỉ lệ tử thấp nhất là 6% của Philippines và cao nhất là 8% của Mi-an-ma và Thái Lan. Vì vậy, ta không thể kết luận được quốc gia nào có tỉ lệ tăng tự nhiên cao hơn/quá hơn quốc gia khác chỉ từ bảng số liệu đã cho.</p> <p>Vì vậy, đáp án là: Không có nhận xét nào đúng.</p>
Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan												
Tỉ lệ sinh	19	21	18	11												
Tỉ lệ tử	7	6	8	8												
<p>Câu 29 : Nước ta có đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới do A. nằm hoàn toàn ở trong vùng nội chí tuyến. B. chịu tác động thường xuyên của Tín phong. C. ở khu vực hoạt động của gió mùa châu Á. D. giáp Biển Đông thông ra Thái Bình Dương.</p>	<p>Đáp án: C. ở khu vực hoạt động của gió mùa châu Á. Giới hạn địa lý của Việt Nam nằm trong khu vực có khí hậu chủ yếu là nhiệt đới gió mùa, phụ thuộc vào chế độ gió mùa châu Á, do đó đây là đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới của nước ta. Các quốc gia khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... có đặc điểm thiên nhiên khác với nước ta.</p>															
<p>Câu 30 : Diện tích rừng ngập mặn nước ta bị thu hẹp chủ yếu do tác động của A. bờ biển sạt lở, môi trường nước ô nhiễm. B. cháy rừng, phát triển nuôi trồng thủy sản. C. biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng. D. đẩy mạnh hoạt động du lịch, ít trồng rừng.</p>	<p>Câu trả lời là: C. biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng. Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta bị thu hẹp chủ yếu do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, gây nước biển dâng và xâm nhập đất liền. Ngoài ra, hoạt động khai thác mặn, xây dựng, phát triển đô thị và nuôi trồng thủy sản cũng là các nguyên nhân gây ảnh hưởng đến diện tích rừng ngập mặn ở nước ta.</p>															
<p>Câu 31 : Sự khác nhau về mùa khí hậu giữa sườn Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động kết hợp của A. các loại gió và dãy Trường Sơn Nam. B. dải hội tụ nhiệt đới và các cao nguyên. C. bão và các đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. D. Tín phong bán cầu Bắc và các đỉnh núi.</p>	<p>Đáp án: B. dải hội tụ nhiệt đới và các cao nguyên. Giữa sườn Đông Trường Sơn và Tây Nguyên có sự khác biệt về mùa khí hậu chủ yếu do tác động của hai yếu tố chính: Sườn Đông Trường Sơn nằm trong dải hội tụ nhiệt đới, nơi mà mùa mưa đến rất dồi dào, mưa rải rác suốt năm, còn Tây Nguyên nằm trên cao nguyên, có hai mùa mưa và khô rõ rệt. Sườn Đông Trường Sơn có địa hình dốc, cao ráo và có độ che phủ rừng phong phú nên khí hậu mát mẻ, đa dạng, trong khi Tây Nguyên có độ cao trung bình</p>															

	cao hơn nhưng địa hình bằng phẳng, mở rộng nên nhiệt độ cao hơn, khô hạn hơn.
<p>Câu 32 : Dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí chủ yếu do tác động của</p> <p>A. vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên. B. quá trình định cư, trình độ dân trí, số dân. C. sự phát triển kinh tế, các nhân tố tự nhiên D. các nhân tố về xã hội, cơ cấu nền kinh tế.</p>	<p>Đáp án: A. vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên.</p> <p>Giải thích: Giới hạn và khó khăn về địa hình, khí hậu, tài nguyên đã tác động đến việc phân bố dân cư tại nước ta. Một số khu vực có điều kiện thuận lợi hơn để phát triển kinh tế và định cư, trong khi các khu vực khác khó khăn hơn về các yếu tố trên. Ngoài ra, các yếu tố về xã hội và kinh tế cũng có ảnh hưởng đến việc phân bố dân cư, nhưng không phải là yếu tố chủ yếu.</p>
<p>Câu 33 : Tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta hiện nay vẫn còn cao chủ yếu do</p> <p>A. lao động tăng, kinh tế còn chậm phát triển. B. đô thị mở rộng, đất nông nghiệp bị thu hẹp. C. lao động kĩ thuật ít, công nghiệp còn hạn chế. D. dân cư nông thôn đông, ít hoạt động dịch vụ.</p>	<p>Đáp án: A. lao động tăng, kinh tế còn chậm phát triển.</p> <p>Giải thích: Tỷ lệ thất nghiệp cao chủ yếu do nhu cầu về việc làm chưa tăng đáng kể trong khi nguồn lao động tăng nhanh, đặc biệt là ở các đô thị lớn. Ngoài ra, kinh tế Việt Nam vẫn đang phát triển chậm, gặp nhiều khó khăn và thách thức, do đó cũng góp phần vào tình trạng thất nghiệp.</p>
<p>Câu 34 : Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra chưa nhanh chủ yếu do</p> <p>A. các hoạt động phi nông nghiệp còn yếu. B. công nghiệp hóa phát triển còn chậm. C. lao động nông nghiệp vẫn còn tỉ lệ lớn D. chịu ảnh hưởng lâu dài của chiến tranh.</p>	<p>Đáp án: C. lao động nông nghiệp vẫn còn tỉ lệ lớn.</p> <p>Giải thích: Quá trình đô thị hóa liên quan đến sự chuyển dịch dân số và kinh tế từ nông thôn sang thành phố và các đô thị. Trong nước ta, dân số nông thôn vẫn chiếm tỉ lệ lớn, đồng thời, ngành nông nghiệp cũng vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, do đó, quá trình đô thị hóa diễn ra chậm hơn so với một số nước phát triển khác.</p>
<p>Câu 35 : Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta chuyển biến rõ rệt chủ yếu do</p> <p>A. chuyển sang nền kinh tế thị trường. B. thúc đẩy sự phát triển công nghiệp. C. lao động dồi dào và tăng hàng năm. D. tăng trưởng kinh tế gần đây nhanh.</p>	<p>Đáp án: A. chuyển sang nền kinh tế thị trường.</p> <p>Giải thích: Trước đây, nền kinh tế của Việt Nam chủ yếu là nền kinh tế quốc dân, trong đó ngành công nghiệp nhà nước chiếm vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, từ khi chuyển đổi đổi mới, nền kinh tế của Việt Nam đã chuyển sang nền kinh tế thị trường, với sự phát triển của các ngành kinh tế như ngành công nghiệp tư nhân, dịch vụ và thương mại. Do đó, cơ cấu GDP của Việt Nam đã chuyển biến rõ rệt theo hướng này.</p>
<p>Câu 36 : Cho biểu đồ về xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2010 - 2017:</p> <p>(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019) Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?</p> <p>A. Giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. B. Quy mô và cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. C. Chuyển dịch cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.</p>	<p>Đáp án: B. Quy mô và cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. Biểu đồ thể hiện giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a theo từng năm trong giai đoạn 2010-2017 và phân bổ theo các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác nhau, do đó biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu xuất nhập khẩu.</p>

D. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ.													
<p>Câu 37 : Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta tạo thuận lợi chủ yếu cho phát triển thủy điện?</p> <p>A. Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm nhiều diện tích. B. Cấu trúc cổ được trở lại, phân bậc rõ theo độ cao. C. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung. D. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa, bị cắt xẻ nhiều.</p>	<p>Đáp án: C. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung.</p> <p>Địa hình nước ta có đặc điểm là có nhiều dãy núi chính hướng Tây Bắc - Đông Nam, vòng cung và dịch chuyển theo chiều dài đất nước. Sự tương đối ổn định của dãy núi và địa hình phẳng lớn như Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long tạo thuận lợi cho việc xây dựng các công trình thủy điện lớn, đóng góp quan trọng vào sản xuất điện năng của đất nước.</p>												
<p>Câu 38 : Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở các đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là do tác động kết hợp của</p> <p>A. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn. B. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dãy Trường Sơn. C. địa hình núi đồi kéo dài ở phía tây và Tín phong bán cầu Bắc D. lãnh thổ hẹp ngang và hoạt động của các loại gió vào mùa hạ.</p>	<p>Câu 38: Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở các đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là do tác động kết hợp của gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dãy Trường Sơn.</p>												
<p>Câu 39 : Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đai ôn đới gió mùa trên núi do</p> <p>A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông nhiệt độ hạ thấp. B. Ở gần khu vực ngoại chí tuyến có cả khí hậu cận nhiệt và ôn đới. C. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn. D. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di lưu và di cư đến.</p>	<p>Đáp án: C. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn.</p> <p>Giải thích: Đai ôn đới gió mùa trên núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là khu vực địa hình cao với độ cao trên 1.500m so với mực nước biển, tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn, đặc biệt là các đỉnh núi trên 2.600m. Ở đai ôn đới gió mùa trên núi, khí hậu có nhiệt độ trung bình thấp, có đặc tính khô hơn so với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở vùng thấp hơn, cùng với sự chênh lệch độ cao của địa hình, tạo điều kiện cho sự hình thành gió mùa và thủy văn phức hợp, góp phần tạo ra nhiều đặc sản nổi tiếng như rau cải, cà phê, trà...</p>												
<p>Câu 40 : Cho bảng số liệu:</p> <p>SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018 (Đơn vị: Nghìn tấn)</p> <table border="1" data-bbox="191 1052 1045 1149"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Cá nuôi</th> <th>Tôm nuôi</th> <th>Thủy sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2010</td> <td>2101,6</td> <td>499,7</td> <td>177,0</td> </tr> <tr> <td>2018</td> <td>2918,7</td> <td>809,7</td> <td>433,4</td> </tr> </tbody> </table> <p>(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019) Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?</p> <p>A. Miền. B. Kết hợp. C. Đường. D. Tròn.</p>	Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản	2010	2101,6	499,7	177,0	2018	2918,7	809,7	433,4	<p>Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2010 và năm 2018, dạng biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ tròn. Ở đây, tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng của năm 2010 và năm 2018 sẽ là phần trăm 100%, và các giá trị còn sẽ được biểu diễn bằng các phần trăm tương ứng. Do đó, biểu đồ tròn là phù hợp để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng.</p>
Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản										
2010	2101,6	499,7	177,0										
2018	2918,7	809,7	433,4										

